

Bản án số: 39 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2020

“*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2020/HNGĐ – TLST ngày 10/02/2020 về “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐ - ST ngày 04/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐ-ST ngày 22/5/2020 giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Vũ Thị L, sinh ngày 22/7/1990( vắng mặt).

HKTT: Thôn X, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 05/5/1985 ( vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, Xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày: Chị và anh Đ được mai mối, thời điểm hai bên tìm hiểu anh Đ đang lao động tại Hàn Quốc, còn chị ở Việt Nam. Hai bên tìm hiểu được khoảng 4 tháng thì anh Đ về Việt Nam để tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã L, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương ngày 23/9/2013. Sau khi kết hôn được 2 tháng anh Đ quay lại Hàn Quốc lao động. Thời gian đầu hai vợ chồng thường xuyên liên lạc, đến năm 2016 sau nhiều lần thuyết phục anh Đ về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ không đồng ý, nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không còn liên lạc với

nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có con chung là cháu Nguyễn Vũ Thảo V, sinh ngày 25/7/2014. Hiện cháu V đang sống cùng với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Hàn Quốc, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình anh Đ, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Đ. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M là bố mẹ đẻ anh Đ xác định, anh Đ hiện lao động tại Hàn Quốc, ông bà không biết địa chỉ của anh Đ nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Đ thường xuyên liên lạc về gia đình. Theo ông N, bà M cung cấp, do trước đây chị L tự ý đi Nhật Bản lao động không được sự đồng ý của anh Đ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Trước khi đi Nhật Bản chị L đã dọn đồ về nhà bố mẹ đẻ ở, con gửi hai bên ông bà chăm sóc. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông N xác định đã thông tin cho anh Đ biết. Anh Đ có quan điểm tùy chị L quyết định, về con chung, anh Đ đồng ý để chị L nuôi dưỡng, nếu chị L đi lấy chồng thì phải để lại con cho anh Đ nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Đ ở Hàn Quốc. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 23/9/2013, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được 2 tháng thì anh Đ quay lại Hàn Quốc lao động, từ đó cho đến nay anh Đ chưa về Việt Nam. Do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, thông qua gia đình, anh Đ có quan điểm tùy chị L quyết định. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh Đ không thể hiện rõ quan điểm đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về con chung*: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Minh Đ có 01 con là Nguyễn Vũ Thảo V, sinh ngày 25/7/2014. Hiện cháu V đang ở với chị L. Xét thực tế, anh Đ đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ Thảo V, sinh ngày 25/7/2014 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

*Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0000786 ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- UBND xã L
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**